

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày 28 tháng 01 năm 2021
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** -Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST- DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Âu Trúc M**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Trương Hán Siêu**, phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Tô Thị Kiều N** sinh năm 1960. Địa chỉ: Bà **Triệu**, khóm 3, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Văn Vững** – Luật sư Văn phòng luật sư **Nguyễn Thị Hảo** - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Số 52, **Nguyễn Văn Linh**, khóm 10, phường 1 thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

* Bị đơn: Chị **Trần Ngọc H**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khóm 6, phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Tú A, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp M, xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị M, bà N, ông Vững có mặt, chị H vắng mặt, bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Âu Trúc M trình bày:

Ngày 23/5/2018 chị M có cho chị Trần Ngọc H mượn số tiền là 270.000.000 đồng (có giấy biên nhận), sau đó chị có tiếp tục làm biên nhận số tiền của chị M số tiền 2.500.000 đồng. Do chị H không thực hiện việc trả nợ cho chị M, nên Công an thành phố Bạc Liêu khởi tố vụ án, khởi tố bị can điều tra việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau đó Cơ quan điều tra kết luận số tiền Huyền lừa đảo chị M là 2.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra bà Trần Tú A có đại diện gia đình chị H trả cho chị M 03 lần với tổng số tiền 90.000.000 đồng, bao gồm 2.500.000 đồng tiền khắc phục quả trong vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H. Như vậy, chị H mới trả được cho chị M số tiền 87.750.000 đồng, còn lại 182.250.000 đồng. Nay chị Âu Trúc M yêu cầu chị Trần Ngọc H, bà Trần Tú A trả số tiền 182.500.000 đồng, lãi suất từ ngày 23/5/2018 đến ngày 23/01/2021 là 32 tháng (mức lãi suất 0,833%/tháng) số tiền 48.647.200 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 24/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án.

Bà Tô Thị Kiều N trình bày bổ sung:

Thông nhất như lời trình bày của chị Huyền là chị H có mượn tiền chị M số tiền 270.000.000 đồng. Sau đó M có hứa nếu H trả đủ một lần số tiền nợ M là 200.000.000 đồng thì M sẽ giảm cho H số tiền 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, H chỉ trả được 87.750.000 đồng nên chị M không đồng ý giảm số tiền nợ cho chị H. Yêu cầu Tòa án buộc chị H trả đủ số tiền nợ cho chị M như đơn khởi kiện và tiền lãi như chị M trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Ông Trần Văn Vững trình bày:

Tôi thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Âu Trúc M. Buộc chị Trần Ngọc H, bà Trần Tú A trả số tiền 182.500.000 đồng và tiền lãi từ ngày 23/5/2018 đến ngày 23/01/2021 số tiền 48.647.200 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày 24/01/2021 đến ngày 28/01/2021 là ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn chị Trần Ngọc H trình bày:

Trước đây chị có nhiều lần vay mượn tiền chị Âu Trúc M với tổng số tiền 270.000.000 đồng (có làm biên nhận ngày 23/5/2018). Sau đó H có nhận của chị M thêm số tiền 2.500.000 đồng (biên nhận ngày 20/9/2018). Do chị H không thanh toán cho chị M nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Bạc Liêu khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra. Kết quả kết luận chị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị M số tiền 2.500.000 đồng. Còn số tiền 270.000.000 đồng là giao dịch dân sự. Quá trình làm việc tại cơ quan điều tra công an thành phố Bạc Liêu, chị M có trình bày là chị M chỉ yêu cầu chị H trả số tiền 200.000.000 đồng (trả lần đầu 50.000.000 đồng, sau đó mỗi tháng trả 15.000.000 đồng đến khi hết số tiền 200.000.000 đồng), còn lại số tiền 72.500.000 đồng chị M không yêu cầu chị H trả. Sau đó cô ruột chị H là bà Trần Tú A có thay mặt gia đình chị H trả số tiền cho chị M ba lần với tổng số tiền 90.000.000 đồng. Nên chị H xác định chỉ còn nợ chị M số tiền là 110.000.000 đồng.

Trong số tiền 72.500.000 đồng mà chị M không yêu cầu chị H trả thì đã bao gồm luôn cả số tiền 2.500.000 đồng nêu trên. Chị H xác định số tiền 90.000.000 đồng đã trả cho chị M là trả trong số tiền 200.000.000 đồng mà hai bên đã thống nhất tại cơ quan điều tra nên hiện tại chị chỉ còn nợ chị M số tiền 110.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị M thì chị H đồng ý trả số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng. Không đồng ý trả tiền lãi vì hiện nay chị vừa chấp hành xong bản án hình sự, không có việc làm, không có thu nhập, hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn.

Quá trình làm việc tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Tú A trình bày:

Bà Tú A không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu chị M, vì đây là việc vay mượn cá nhân giữa chị H và chị M, bà không liên quan nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của chị M.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Âu Trúc M. Buộc chị Trần Ngọc H có nghĩa vụ trả cho chị Âu Trúc M số tiền nợ gốc là 182.500.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/11/2018 đến 23/01/2021

với mức lãi suất theo quy định; không chấp nhận yêu cầu tiền lãi từ ngày 23/5/2018 đến ngày 30/10/2018. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M buộc bà Trần Tú A có trách nhiệm cùng chị H trả nợ cho M. Chị M, chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Âu Trúc M khởi kiện chị Trần Ngọc H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị H có nơi cư trú tại khóm 6, phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn chị Trần Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Tú A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Ngọc H và bà Trần Tú A theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Âu Trúc M yêu cầu chị Trần Ngọc H, bà Trần Tú A trả số tiền 182.500.000 đồng do chị H mượn và yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 23/5/2018 đến ngày 23/01/2021 là 48.647.200 đồng; chị H thừa nhận có mượn tiền của chị M nhưng chỉ còn nợ số tiền 110.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự thống nhất thời điểm mượn tiền là ngày 23 tháng 5 năm 2018. Tính đến ngày chị M khởi kiện đến Tòa án (ngày 27/02/2020) là 01 năm 09 tháng 04 ngày. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị M còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[5] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu trả số tiền gốc:

Chị M xác định: Tổng số tiền chị M cho chị H mượn của cả hai lần là 272.500.000 đồng (Trong đó có 2.500.000 đồng là số tiền lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được giải quyết trong vụ án hình sự). Trong quá trình điều tra bà Trần Tú A có đại diện gia đình chị H trả cho M 03 lần với tổng số tiền 90.000.000 đồng, bao gồm 2.500.000 đồng tiền khắc phục quả trong vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H. Như vậy, chị H mới trả được cho chị M số tiền 87.500.000 đồng, còn lại 182.500.000 đồng. Nay chị M yêu cầu chị H và bà Tú A trả số tiền gốc nêu trên.

Chị H thống nhất về việc có mượn của chị M hai lần với tổng số tiền là 272.500.000 đồng (Trong đó có 2.500.000 đồng là số tiền lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được giải quyết trong vụ án hình sự) và thừa nhận có sự việc bà Trần Tú A đã thay mặt gia đình chị H trả cho chị M số tiền 90.000.000 đồng trong giai đoạn điều tra. Tuy nhiên, chị H cho rằng trong quá trình điều tra, chị M có trình bày là chỉ yêu cầu chị H trả số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả số tiền 72.500.000 đồng (trong đó có số tiền lừa đảo 2.500.000 đồng), cho nên số tiền 90.000.000 đồng mà bà Tú A đã trả cho chị M là trả trong số tiền 200.000.000 đồng, chị H xác định chỉ còn nợ chị Mai số tiền 110.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, không đồng ý trả số tiền 182.500.000 đồng theo yêu cầu của chị M.

Bà Tú A không đồng ý cùng chị H trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu của chị M do đây là giao dịch vay mượn giữa cá nhân chị H và chị M, bà không có liên quan nên không đồng ý trả tiền.

Xét thấy: Việc chị M cho chị H mượn số tiền 272.500.000 đồng và việc bà Tú A có đại diện gia đình chị H trả cho chị M số tiền 90.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế, được các bên đương sự thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Chị M yêu cầu chị H và bà Tú A trả số tiền gốc còn lại là 182.500.000 đồng, chị H chỉ thừa nhận còn nợ chị M số tiền 110.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà Tòa án thu thập được thể hiện tại biên bản làm việc ngày 04/5/2019 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bạc Liêu, trong biên bản này chị M xác định: “...Sau khi thống nhất thỏa thuận với H, tôi chỉ yêu cầu H trả số tiền là 200.000.000 đồng, số tiền còn lại tôi cho H. Đến ngày 20/5/2019, H phải trả trước cho tôi là 50.000.000 đồng, số tiền còn lại phải trả 15.000.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng cho đến khi hết số tiền, ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm....”; tại biên bản phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 08/11/2019 và biên bản phiên tòa hình sự phúc thẩm ngày 19/02/2020 chị Mai đều xác định giữ nguyên yêu cầu chị H trả số tiền 182.500.000 đồng, không đồng ý cho chị H số tiền 72.500.000 đồng và cũng rút lại đơn bãi nại về việc xin tha miễn cho chị H do bản thân chị H và gia đình không thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận tại biên bản làm việc ngày 04/5/2019 tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bạc Liêu. Như vậy việc chị M chỉ yêu cầu chị H trả số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả số tiền 72.500.000 đồng theo biên bản ngày 04/5/2019 là việc thỏa thuận có điều kiện để gia đình chị H phải trả dứt điểm số tiền 200.000.000 đồng trong một khoảng thời gian nhất định. Tuy nhiên sau khi thỏa thuận thì chị H và gia đình chị H lại không thực hiện đúng. Do đó, không thể xem việc thỏa thuận này có giá trị và việc chị M yêu cầu chị H trả

đúng số tiền 182.500.000 đồng là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu trả số tiền này. Ngoài lời trình bày tại Tòa án thì chị H cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, có căn cứ xác định chị H còn nợ chị Mai số tiền gốc là 182.500.000 đồng và buộc chị H có nghĩa vụ trả số tiền trên cho chị M.

Xét yêu cầu trả tiền lãi:

Chị M yêu cầu chị H, bà Tú A trả số tiền lãi trên số tiền gốc 182.500.000 đồng từ ngày 23/5/2018 đến ngày 23/01/2021 là 32 tháng (mức lãi suất 0,833%/tháng) số tiền 48.647.200 đồng. Không yêu cầu tính lãi từ ngày 24/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án. Chị H không đồng ý trả tiền lãi vì cho rằng vừa chấp hành xong hình phạt của bản án hình sự, không có việc làm, hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn nên không đồng ý trả lãi. Xét thấy việc vay mượn tiền giữa chị M và chị H không thỏa thuận lãi suất. Việc chị M yêu cầu chị H trả lãi trong vụ án này và với mức lãi suất như trên là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên, theo giấy biên nhận ngày 23/5/2018 thì Chị H và chị M thỏa thuận là đến cuối tháng 10 năm 2018, chị H sẽ trả hết số tiền nợ chị M 270.000.000 đồng. Do chị H không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên chị H phải chịu lãi suất từ ngày 01/11/2018 đối với số tiền nợ gốc nêu trên. Do đó không chấp nhận phần yêu cầu của chị M về tiền lãi suất từ ngày 23/5/2018 đến 31/10/2018 với số tiền 8.057.192 đồng. Không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của chị H.

Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

- 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*
- 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.*

Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Căn cứ vào các quy định trên, có cơ sở xác định số tiền lãi (trên số tiền nợ gốc 182.500.000 đồng) trong vụ án như sau:

1. Tiền lãi từ ngày 01/11/2018 đến 23/02/2020 là:

$182.500.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 23.968.881 \text{ đồng}$

2. Tiền lãi từ ngày 24/02/2020 đến ngày 23/01/2021 là:

$182.500.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 16.722.475 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi phải trả là: 40.691.356 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Xét việc chị M yêu cầu bà Trần Tú A có nghĩa vụ cùng với chị H trả tiền nợ gốc và nợ lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là giao dịch giữa cá nhân chị M và chị H, không có liên quan đến bà Tú A. Việc bà Tú A thỏa thuận tại cơ quan điều tra sẽ trả tiền cho chị M chỉ với tư cách đại diện gia đình của chị H và sự thỏa thuận đó cũng không được thực hiện. Bản chất của vụ tranh chấp này là việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của cá nhân chị H đối với chị M, không phải của bà Tú A. Đồng thời, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Tú A cũng không đồng ý trả nợ cho chị M. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị M về việc buộc bà Tú A cùng có nghĩa vụ trả tiền với chị H.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của chị Âu Trúc M về phần tính lãi từ ngày 23/5/2018 đến ngày 31/10/2018 với số tiền 8.057.192 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 402.859. Các yêu cầu khác được chấp nhận nên chị M không phải chịu án phí. Chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.214.000 đồng theo biên lai thu số 0006681 ngày 27/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu chuyển thu án phí 402.859 đồng, chị M được hoàn lại số tiền 4.811.141 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

Chị Trần Ngọc H phải nộp 11.159.568 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Âu Trúc M đối với chị Trần Ngọc H.

2. Buộc chị Trần Ngọc H có nghĩa vụ trả cho chị Âu Trúc M số tiền nợ gốc là 182.500.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 23/01/2021 là 40.691.356 đồng (Bốn mươi triệu, sáu trăm chín mươi một ngàn, ba trăm năm mươi sáu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Âu Trúc M đối với chị Trần Ngọc H về tiền lãi suất từ ngày 23/5/2018 đến 31/10/2018 với số tiền 8.057.192 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Âu Trúc M buộc bà Trần Tú A cùng có nghĩa vụ trả tiền nợ với chị H.

4. Về án phí:

Chị Âu Trúc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 402.859 đồng. Chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.214.000 đồng theo biên lai thu số 0006681 ngày 27/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu chuyển thu án phí 402.859 đồng, chị M được hoàn lại số tiền 4.811.141 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

Chị Trần Ngọc H phải nộp 11.159.568 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Minh Tân